



fú wù yuán
服务员

Noun · waiter/waitress; attendant

Example Sentences

fú wù yuán qǐng gěi wǒ yì bēi shuǐ
服务员，请给我一杯水。

Waiter, please give me a glass of water.

fú wù yuán qǐng bāng wǒ diǎn cài
服务员，请帮我点菜。

Waiter, please help me order.

qǐng wèn fú wù yuán cè suǒ zài nǎ lǐ
请问服务员，厕所在哪里？

Excuse me, waiter, where is the restroom?

Trace each character, then write the word on your own.

服 服 服 服 服 服 服 服 服 服 服

务 务 务 务 务 务 务 务

员 员 员 员 员 员 员 员 员 员